

UBND XÃ MƯỜNG NHÉ
TRƯỜNG PTĐT BÁN TRÚ THCS MƯỜNG NHÉ

THỰC ĐƠN ĂN THÁNG 9
Thời gian ăn từ ngày 03/9/2025 đến ngày 30/9/2025
Số lượng người ăn: 769 HS

Thứ, ngày	Bữa sáng					Bữa trưa					Bữa tối					Tổng tiền cả ngày ăn			
	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành Tiền	
Thứ 4 3/9/2025	Dầu ăn neptune	Lít	30	65.000	1.950.000													Gia vị ăn cả tháng	
	Dầu rửa sunlight can 3,6 kg	can	30	100.000	3.000.000														
	Cơ xoong	Bịch	2	50.000	100.000														
	Muối 1 lít hạt to	Kg	80	7.000	560.000														
	Mỳ chính vedan	Kg	13	65.000	845.000														
Tổng tiền																	6.455.000		
Thứ tư ngày 3/9/2025							Gạo tẻ	Kg	181		Cáp phát			Gạo tẻ	Kg	181		Cáp phát	
					0	Thịt lợn xáo bí xanh. Canh rau cải. Com tẻ	Thịt vai, móng lợn	Kg	64	140.000	8.960.000	Thịt lợn xáo quả su su. Canh bí đỏ. Com tẻ	Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000		
							Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000		Quả su su	kg	60	20.000	1.200.000		
							Rau cải	Kg	35	20.000	700.000		Thịt vai, móng lợn	kg	64	140.000	8.960.000		
							Bí xanh	Kg	70	20.000	1.400.000		Bí đỏ	Kg	50	20.000	1.000.000		
Tổng tiền					0						11.120.000						11.220.000	22.340.000	
Thứ năm 4/9/2025							Gạo tẻ	Kg	181		Cáp phát			Gạo tẻ	Kg	181		Cáp phát	
						Thịt lợn đầu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Com tẻ	Thịt vai, móng lợn	Kg	64	140.000	8.960.000		Thịt vai, móng lợn	Kg	64,0	140.000	8.960.000		
					6.152.000		Đậu phụ	kg	60	25.000	1.500.000		Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000		
							Cà chua	kg	10	35.000	350.000	Canh bí đỏ. Com tẻ	Bí đỏ	Kg	50	20.000	1.000.000		
	Xôi thịt lợn băm hộp		769	8.000			Rau cải	Kg	35	20.000	700.000		Bắp cải	Kg	60	20.000	1.200.000		

Thứ, ngày	Bữa sáng				Bữa trưa				Bữa tối				Tổng tiền cả ngày ăn								
	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn		Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền			
Thứ sáu 5/9/2025	Tổng tiền				6.152.000							11.570.000					11.220.000	28.942.000			
	Xôi sấu mỳ nước thịt lợn	hộp	769	8.000	6.152.000	Thịt lợn xay rang, Canh rau cải, Com tẻ	Gạo tẻ	Kg	181	Cấp phát			Gạo tẻ	Kg	181	Cấp phát					
							Thịt vai, móng lợn	Kg	115	140.000	16.100.000		Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000				
							Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000		Quả su su	kg	60	20.000	1.200.000				
							Rau cải	Kg	35	20.000	700.000		Thịt vai, móng lợn	kg	64	140.000	8.960.000				
Tổng tiền				6.152.000											11.220.000	34.232.000					
Thứ 7 ngày 6/9/2025	Bánh mỳ nhân kem	gói	769	8000	6.152.000	Thịt lợn đầu phụ sốt cà chua, Canh rau cải, Com tẻ	Gạo tẻ	Kg	160	Cấp phát											
							Đậu phụ	Kg	60	25.000	1.500.000										
							Hành lá	kg	1,0	60.000	60.000										
							Cà chua	kg	10,0	35.000	350.000										
	Tổng tiền				6.152.000		Thịt vai, móng lợn	Kg	62	140.000	8.680.000										
CN 7/9/2025					6.152.000		Gạo tẻ	Kg	125	Cấp phát								17.342.000			
	Tổng tiền				0												3.710.000				
Thứ hai 8/9/2025	Xôi thịt lợn băm	hộp	769	8.000	6.152.000	Thịt lợn rang, Canh rau cải, Com tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát			Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát					
							Thịt vai, móng lợn	Kg	112	140.000	15.680.000		Thịt vai, móng lợn	Kg	61	140.000	8.540.000				
							Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000		Quả đỗ	Kg	60	30.000	1.800.000				
							Rau cải	Kg	35	20.000	700.000		Bí đỏ	Kg	50	20.000	1.000.000				
	Tổng tiền				6.152.000											11.400.000	33.992.000				
							Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát			Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát					

Thứ, ngày	Bữa sáng					Bữa trưa						Bữa tối						Tổng tiền cả ngày ăn
	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	
Thứ ba 9/9/2025	Xôi ruốc thịt lợn	hộp	769	8.000	6.152.000	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Cơm tẻ	Thịt vai, móng lợn	Kg	61	140.000	8.540.000	Thịt gà ta lai rang gừng	Thịt gà ta lai sống	Kg	151,0	110.000	16.610.000	
							Đậu phụ	kg	60	25.000	1.500.000		Gừng	Kg	3	30.000	90.000	
							Cà chua	kg	10	35.000	350.000		Bí đỏ	Kg	50	20.000	1.000.000	
							Hành lá	Kg	1	60.000	60.000							
							Rau cải	Kg	35	20.000	700.000							
Tổng tiền					6.152.000						11.150.000						17.700.000	35.002.000
Thứ tư 10/9/2025	Bánh mỳ nhân đỗ	gói	769	8000	6.152.000	Thịt lợn xào bí xanh. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		Thịt lợn xào quả su su. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	62	140.000	8.680.000		Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000	
							Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000		Quả su su	kg	60	20.000	1.200.000	
							Rau cải	Kg	35	20.000	700.000		Thịt vai, móng lợn	kg	61	140.000	8.540.000	
							Bí xanh	Kg	70	20.000	1.400.000		Bí đỏ	Kg	50	20.000	1.000.000	
Tổng tiền					6.152.000						10.840.000						10.800.000	27.792.000
Thứ năm 11/9/2025	Xôi thịt lợn băm	hộp	769	8.000	6.152.000	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		Thịt lợn xào rau bắp cải. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	62	140.000	8.680.000		Thịt vai, móng lợn	Kg	61,0	140.000	8.540.000	
							Đậu phụ	kg	60	25.000	1.500.000		Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000	
							Cà chua	kg	10	35.000	350.000		Bí đỏ	Kg	50	20.000	1.000.000	
							Rau cải	Kg	35	20.000	700.000		Bắp cải	Kg	60	20.000	1.200.000	
							Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000							
Tổng tiền					6.152.000						11.290.000						10.800.000	28.242.000
Thứ sáu 12/9/2025	Xôi ruốc thịt lợn	hộp	769	8.000	6.152.000	Thịt lợn xay rang. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		Thịt lợn xào quả su su. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	112	140.000	15.680.000		Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000	
							Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000		Quả su su	kg	60	20.000	1.200.000	
							Rau cải	Kg	35	20.000	700.000		Thịt vai, móng lợn	kg	61	140.000	8.540.000	
											0		Bí đỏ	Kg	50	20.000	1.000.000	
Tổng tiền					6.152.000						16.440.000						10.800.000	33.392.000
							Gạo tẻ	Kg	150	Cấp phát								

Thứ, ngày	Bữa sáng				Bữa trưa				Bữa tối				Tổng tiền cả ngày ăn						
	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn		Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	
Thứ 7 ngày 13/9/2025	Bánh mỳ nhân kem	gói	769	8000	6.152.000	Thịt lợn đầu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Com té	Đậu phụ	Kg	60	25.000	1.500.000								
							Hành lá	kg	1,0	60.000	60.000								
							Cà chua	kg	10,0	35.000	350.000								
							Thịt vai, móng lợn	Kg	60	140.000	8.400.000								
							Rau cải	Kg	30	20.000	600.000								
Tổng tiền					6.152.000						10.910.000						0	17.062.000	
CN 14/9/2025													Gạo tẻ	Kg	120	Cấp phát			
													Trứng vịt nhỡ	Quả	780	4.000	3.120.000		
													Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000		
													Rau cải	Kg	25	20.000	500.000		
Tổng tiền					0						0						3.680.000	3.680.000	
Thứ hai 15/9/2025	Xôi thịt lợn băm	hộp	769	8.000	6.152.000	Thịt lợn rang. Canh rau cải. Com té	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát				Kg	175	Cấp phát			
							Thịt vai, móng lợn	Kg	112	140.000	15.680.000			Thịt lợn xào	Kg	61	140.000	8.540.000	
							Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000			quả đỗ Canh	Kg	60	30.000	1.800.000	
							Rau cải	Kg	35	20.000	700.000			Bí đỏ	Kg	50	20.000	1.000.000	
Tổng tiền					6.152.000						16.440.000			Kg	1,0	60.000	60.000		33.992.000
Thứ ba 16/9/2025	Xôi ruốc thịt lợn	hộp	769	8.000	6.152.000	Thịt lợn đầu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Com té	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát				Kg	175	Cấp phát			
							Thịt vai, móng lợn	Kg	61	140.000	8.540.000			Thịt gà ta lai	Kg	151,0	110.000	16.610.000	
							Đậu phụ	kg	60	25.000	1.500.000			Gừng	Kg	3	30.000	90.000	
							Cà chua	kg	10	35.000	350.000			Bí đỏ	Kg	50	20.000	1.000.000	
							Hành lá	Kg	1	60.000	60.000								
Tổng tiền					6.152.000						700.000								35.002.000
Thứ tư 17/9/2025	Bánh mỳ nhân đỗ	gói	769	8000	6.152.000	Thịt lợn xào bí xanh. Canh rau cải. Com té	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát				Kg	175	Cấp phát			
							Thịt vai, móng lợn	Kg	62	140.000	8.680.000			Thịt lợn xào	Kg	1,0	60.000	60.000	
							Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000			quả su su. Canh bí đỏ.	kg	60	20.000	1.200.000	
							Rau cải	Kg	35	20.000	700.000			Thịt vai, móng lợn	kg	61	140.000	8.540.000	
							Bí xanh	Kg	70	20.000	1.400.000			Bí đỏ	Kg	50	20.000	1.000.000	

Thứ, ngày	Bữa sáng				Bữa trưa				Bữa tối				Tổng tiền cả ngày ăn				
	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Đơn giá		Thành Tiền			
	Tổng tiền				6.152.000						10.840.000		10.800.000	27.792.000			
Thứ năm 18/9/2025							Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		Cấp phát					
	Xôi thịt lợn băm	hộp	769	8.000	6.152.000	Thịt lợn đầu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Com té	Thịt vai, móng lợn	Kg	62	140.000	8.680.000	140.000	8.540.000				
							Đậu phụ	kg	60	25.000	1.500.000	Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000	
							Cà chua	kg	10	35.000	350.000	Bí đỏ	Kg	50	20.000	1.000.000	
							Rau cải	Kg	35	20.000	700.000	Bắp cải	Kg	60	20.000	1.200.000	
					Hành lá					60.000							
	Tổng tiền				6.152.000						11.290.000		10.800.000	28.242.000			
Thứ sáu 19/9/2025							Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		Cấp phát					
	Xôi rức thịt lợn	hộp	769	8.000	6.152.000	Thịt lợn xay rang. Canh rau cải. Com té	Thịt vai, móng lợn	Kg	112	140.000	15.680.000	60.000	60.000				
							Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000	Quả su su	kg	60	20.000	1.200.000	
							Rau cải	Kg	35	20.000	700.000	Thịt vai, móng lợn	kg	61	140.000	8.540.000	
											0	Bí đỏ	Kg	50	20.000	1.000.000	
	Tổng tiền				6.152.000						16.440.000		10.800.000	33.392.000			
Thứ 7 ngày 20/9/2025							Gạo tẻ	Kg	150	Cấp phát							
	Bánh mì nhân kem	gói	769	8000	6.152.000	Thịt lợn đầu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Com té	Đậu phụ	Kg	60	25.000	1.500.000						
							Hành lá	kg	1,0	60.000	60.000						
							Cà chua	kg	10,0	35.000	350.000						
							Thịt vai, móng lợn	Kg	60	140.000	8.400.000						
					Rau cải	Kg	30	20.000	600.000								
	Tổng tiền				6.152.000						10.910.000		0	17.062.000			
CN 21/9/2025												Cấp phát					
						trứng vịt trắng. Canh rau cải. Com té	Gạo tẻ	Kg	120			Cấp phát					
							Trứng vịt nhỡ	Quả	780	4.000	3.120.000						
							Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000						
							Rau cải	Kg	25	20.000	500.000						
	Tổng tiền				0						0		3.680.000	3.680.000			
Thứ hai 22/9/2025							Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		Cấp phát					
	Xôi thịt lợn băm	hộp	769	8.000	6.152.000	Thịt lợn rang. Canh rau cải. Com té	Thịt vai, móng lợn	Kg	61	140.000	8.540.000	140.000	8.540.000				
							Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000	Quả đỗ	Kg	60	30.000	1.800.000	
							Rau cải	Kg	35	20.000	700.000	Bí đỏ	Kg	50	20.000	1.000.000	
											0	Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000	
	Tổng tiền				6.152.000						16.440.000		11.400.000	33.992.000			

Thứ, ngày	Bữa sáng				Bữa trưa				Bữa tối				Tổng tiền cả ngày ăn
	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Đơn vị tính	Tổng tiền cả ngày ăn
CN 28/9/2025	Tổng tiền				6.152.000						10.910.000		17.062.000
Thứ hai 29/9/2025	Tổng tiền				0						0		3.680.000
Thứ ba 30/9/2025	Tổng tiền				6.152.000						16.440.000		33.992.000
Tổng cộng tháng 9					6.152.000						11.323.000		35.285.000
Người lập													719.784.000

TRƯỜNG THPT CHUYÊN ĐỀ



Dương Tiến Công

Nguyễn Thị Hương